

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 6, Điểm đ Khoản 1, Khoản 3 Điều 12, Điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 163/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: Số H L, Phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G, chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý Tích hợp 2 – Khởi thu hồi và xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hà Văn T, chức vụ: Chuyên viên

Địa chỉ liên hệ: số B Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công ty cổ phần M2 (gọi tắt là Công ty).

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B Phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T1, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M, chức vụ: giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Ngô Thị N, chức vụ: Chuyên viên.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 08/8/1965, CCCD số: 038065005262.

2. Bà Trịnh Thị M1, sinh ngày 20/10/1963, CCCD số: 038163003837.

Đều trú tại: Thôn N, xã Y, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Các đương sự thống nhất thỏa thuận: ông Nguyễn Văn Đ và bà Trịnh Thị M1 còn nợ của Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M2 tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/12/2025 là: 1.226.625.530 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.082.000.000 đồng; Nợ lãi và lãi chậm trả lãi là 144.625.530 đồng), cụ thể:

Ông Đ và bà M1 nợ Công ty tổng số tiền tính đến ngày 11/12/2025 là: 1.165.294.254 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.027.900.000 đồng; Nợ lãi và lãi chậm trả lãi là 137.394.254 đồng);

Ông Đ và bà M1 nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 11/12/2025 là: 61.331.276 đồng (trong đó: Nợ gốc là 54.100.000 đồng; Nợ lãi và lãi chậm trả lãi là 7.231.276 đồng).

Và tiền lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 12/12/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty và Ngân hàng. Lãi phát sinh ông Đ, bà M1 phải trả cho Công ty và Ngân hàng tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với khoản nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số 37/2025/VPB-JUPITER và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng với Công ty ngày 26/9/2025. Ông Đ và bà M1 chấp nhận trả khoản nợ cho Ngân hàng và Công ty.

2.2. Về phương án trả nợ: Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận:

Chậm nhất đến ngày 25/01/2026, ông Đ, bà M1 phải trả tiền cho Ngân hàng và Công ty tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/12/2025 là: 1.226.625.530 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.082.000.000 đồng; Nợ lãi và lãi chậm trả lãi là 144.625.530 đồng), cụ thể:

Ông Đ và bà M1 nợ Công ty tổng số tiền tính đến ngày 11/12/2025 là: 1.165.294.254 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.027.900.000 đồng; Nợ lãi và lãi chậm trả lãi là 137.394.254 đồng);

Ông Đ và bà M1 nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 11/12/2025 là: 61.331.276 đồng (trong đó: Nợ gốc là 54.100.000 đồng; Nợ lãi và lãi chậm trả lãi là 7.231.276 đồng).

Và tiền lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 12/12/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty và Ngân hàng. Lãi phát sinh ông Đ, bà M1 phải trả cho Công ty và Ngân hàng tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với khoản nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số 37/2025/VPB-JUPITER và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng với Công ty ngày 26/9/2025. Ông Đ và bà M1 chấp nhận trả khoản nợ cho Ngân hàng và Công ty.

Nếu sau ngày 25/01/2026, ông Đ và bà M1 không thực hiện được theo thỏa thuận thì Ngân hàng và Công ty có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 869, tờ bản đồ số 26, tại địa chỉ: thôn N, xã Y, huyện Y (nay là xã Y), tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG165208, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00053 do UBND huyện Y, tỉnh Thanh Hóa cũ cấp ngày 20/03/2017 mang tên ông Nguyễn Văn Đ và bà Trịnh Thị M1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LN2201135080855 ngày 21/01/2022 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Đ, bà M1.

2.3. Về án phí: Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận: ông Nguyễn Văn Đ và bà Trịnh Thị M1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 24.399.400đ (*hai mươi bốn triệu ba trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm đồng*). Ông Đ và bà M1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần án phí mà ông Đ, bà M1 được miễn là 12.199.700đ. Ông Đ, bà M1 phải chịu phần án phí nộp cho nguyên đơn là 12.199.700đ.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.514.000 đồng (*một triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002957 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Trả lại cho Công ty cổ phần M2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.263.000 đồng (*hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002956 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Khu vực 8 – Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoa